TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **93**/2017/DS-PT
Ngày: 26/7/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Kim Rết

Các thẩm phán:

Bà Phan Thị Thu Hương

Ông Phạm Thành Dương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Cẩm – Thẩm tra viên Tòa án tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2017/TLPT-DS ngày 01/3/2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 147/2016/DS-ST ngày 28/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố BH bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2017/QĐ-PT ngày 01/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2017/QĐ-PT ngày 15/6/2017, số 239/2017/QĐ-PT ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lương Thị T,** sinh năm: 1969

Nơi cư trú: Số A, khu phố B, phường C, TP BH, Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Võ Minh Th, sinh năm: 1989;

Nơi cư trú: Số E, đường F, phường G, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai *(theo văn bản ủy quyền ngày 13/5/2016)*

Bà T, ông Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm: 1963.

Nơi cư trú: Số H, tổ I, khu phố K, phường L, thành phố BH, Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th: anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1984 *(theo văn bản ủy quyền ngày 01/7/2016*).

Nơi cư trú: Tổ M, Khu phố N, phường O, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

Bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Văn H,** sinh năm 1969 **(**chồng bà Lương Thị T**);**

Nơi cư trú: Số O, Khu phố P, phường Q, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai;

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Võ Minh Th, sinh năm: 1989 (t*heo văn bản ủy quyền ngày 15/7/2016)*

Nơi cư trú: Số R, đường S, phường T, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai;

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lương Thị T và bị đơn bà Nguyễn Thị Th.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo lời trình bày của các đương sự, các tài liệu có tại hồ sơ và án sơ thẩm, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Bà Lương Thị T và bà Nguyễn Thị Th có quan hệ mua bán với nhau từ khoảng tháng 8/2012. Quá trình mua bán, Bà Th nhiều lần nợ tiền hàng và vay tiền của bà T. Đến ngày 12/4/2015, bà Th viết "Biên nhận vay tiền", với nội dung còn nợ của bà T hai khoản là: tiền nợ 916.000.000, tiền lãi 200.000.000, tổng cộng hai khoản 1.116.000.000 đồng, bà Th cam kết hàng tháng sẽ trả 50.000.000 đồng, giấy nợ do bà Th viết và ký. Sau đó, bà Th không thanh toán tiền cho bà T như cam kết, nên bà T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Th phải thanh toán cho bà số tiền 1.287.585.000 đồng, gồm các khoản:

+ Nợ gốc: 1.116.000.000 đồng;

+ Tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 12/4/2015 đến ngày 28/12/2016 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 1.116.000.000 đồng x 20,5 tháng x 0,75%/tháng = 171.585.000 đồng;

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th (do anh T đại diện) thừa nhận Biên nhận vay tiền ngày 12/4/2015 là do bà viết và chữ ký của bà, nhưng bà Th không thừa nhận còn nợ 1.116.000.000, bà Th chấp nhận trả cho bà Tuyết 350.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H (là chồng của bà T) thống nhất với lời trình bày của bà T, ông đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 147/2016/DS-ST ngày 28/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố BH đã căn cứ khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2, Điều 305; Điều 471; khoản 4, Điều 474 của Bộ luật Dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và Lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị T về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị Th.

Buộc bà Nguyễn Thị Th phải thanh toán cho bà Lương Thị T số tiền nợ gốc 1.116.000.000 đồng (một tỷ một trăm mười sáu triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Th phải thanh toán 171.585.000 đồng (một trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền lãi chậm trả của số nợ gốc nêu trên.

- Về án phí:

Đối với yêu cầu khởi kiện lãi chậm trả của bà T không được chấp nhận; do đó, bà T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm; cụ thể: 171.585.000 đồng x 5% = 8.579.000 đồng (làm tròn). Bà T có đơn xin miễn giảm tiền án phí vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn được địa phương xác nhận, giảm cho bà T 1.579.000 đồng, bà T còn phải chịu 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Nguyễn Thị Th phải nộp 45.480.000 đồng (bốn mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

+ Ngày 11/01/2017, nguyên đơn bà Lương Thị T và bị đơn bà Nguyễn Thị Th đều có đơn kháng cáo đối với án sơ thẩm.

-Bà Lương Thị T kháng cáo 2 nội dung, một là bà cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật chưa đầy đủ và không chính xác; hai là bà kháng cáo về việc cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất do chậm thanh toán, từ đó buộc bà phải chịu án phí dân sự đối với yêu cầu không được chấp nhận.

- Bà Nguyễn Thị Th kháng cáo không đồng ý việc cấp sơ thẩm buộc bà thanh toán cho bà T 1.116.000.000 đồng, bà chỉ chấp nhận thanh toán cho bà T 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng).

+ Ngày 20/01/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai kháng nghị phúc thẩm, đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí, do cấp sơ thẩm miễn giảm một phần án phí cho bà T với số tiền 1.597.000 đồng là trái quy định của pháp luật. Tại phiên Tòa Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm

Ngày 01/6/2017, Tòa án nhân dân tỉnh ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 15/6/2017, tuy nhiên do bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa.

Ngày 19/7/2017, nguyên đơn bà Lương Thị T có "Đơn xin rút kháng cáo, rút yêu cầu khởi kiện" vì các đương sự đã thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Bị đơn có đơn rút kháng cáo. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý việc rút kháng cáo và rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX cấp phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đề xuất quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn đồng ý rút kháng cáo và rút yêu cầu khởi kiện. Đại diện bị đơn đồng ý việc rút kháng cáo và rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị sửa án sơ thẩm về phần án phí, buộc bà T phải chịu toàn bộ án phí đối với yêu cầu bị bác là 8.579.000 đồng,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Đơn kháng cáo của đương sự và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

1.Về tố tụng: cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Nguyên đơn bà Lương Thị T, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Minh Th và bị đơn bà Nguyễn Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

2. Về quan hệ pháp luật: cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ đúng pháp luật.

3. Về nội dung kháng cáo: Ngày 19/7/2017, nguyên đơn bà Lương Thị T có "đơn xin rút kháng cáo, rút yêu cầu khởi kiện" vì các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Ngày 22/7/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị Th có đơn rút kháng cáo và đồng ý việc rút kháng cáo của nguyên đơn. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý việc rút kháng cáo và rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận rút kháng cáo và rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn là bà T đối với bị đơn là bà Th.

4. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Theo án sơ thẩm: bà T phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận là 171.585.000 x 5% = 8.579.000 đồng. Do bà T có đơn xin miễn giảm tiền án phí vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn được địa phương xác nhận, nên giảm cho bà T 1.579.000 đồng, bà T còn phải chịu tiền án phí là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Căn cứ điểm b khoản 2 điều 5 Nghị quyết Số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *Trường hợp Tòa án đã cho người có khó khăn về kinh tế được miễn nộp một phần tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí theo quy định tại Điều 14 của Pháp lệnh và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này, nhưng họ vẫn phải chịu toàn bộ án phí, lệ phí khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

a)…;

b) Theo bản án, quyết định của Tòa án thì họ có tài sản để nộp toàn bộ án phí, lệ phí mà họ phải chịu (họ được chia tài sản chung, được hưởng di sản thừa kế,…).

Theo án sơ thẩm thì bà Th phải thanh toán cho bà T số tiền 1.116.000.000 đồng. Như vậy bà T thuộc trường hợp có tài sản để nộp toàn bộ án phí. Việc cấp sơ thẩm giảm cho bà T 1.579.000 đồng tiền án phí sơ thẩm là không đúng với tinh thần của Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012, do kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là có căn cứ nên được chấp nhận. Sửa một

phần án sơ thẩm về án phí đối với bà T, tuyên buộc bà T phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là 8.579.000 đồng.

-Về án phí dân sự phúc thẩm: căn cứ điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự rút kháng cáo vẫn phải chịu ½ án phí. Do đó bà T và bà Th mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Các ý kiến khác của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quết vụ án phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 293, Điều 299, Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy một phần bản án sơ thẩm số 147/2016/DS-ST ngày 28/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố BH và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện vụ án "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn bà Lương Thị T với bị đơn bà Nguyễn Thị Th.

2. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, sửa một phần bản án sơ thẩm.

- *Phần tuyên xử*:

+ *Về án phí sơ thẩm*:

- Bà Nguyễn Thị Th phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 45.480.000 đồng (bốn mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

- Bà Lương Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 8.579.000 đồng (tám triệu năm trăm bảy mươi chín ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 12.372.000 đồng theo biên lai thu tiền số 008424 ngày 10/6/2016 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH, bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.793.000 đồng (ba triệu bảy trăm chín mươi ba ngàn đồng).

+ *Về án phí phúc thẩm*:

- Bà Lương Thị T phải chịu tiền án phí phúc thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 003489 ngày 16/01/2017 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH, bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Th phải chịu tiền án phí phúc thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 003493 ngày 17/01/2017 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH, bà Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong khoản tiền án phí, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND Tp BH;
- Chi cục thi hành án dân sự Tp BH;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Kim Rết